

VAI TRÒ VÀ VỊ THẾ CỦA LỰC LƯỢNG CỘNG SẢN CẨM QUYỀN Ở NAM TƯ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI II

• Trần Thị Nhung^(*)

Tóm tắt

Nam Tư trong hệ thống chủ nghĩa xã hội sau Chiến tranh thế giới II không những là quốc gia lớn mà còn là quốc gia có đường lối đối ngoại tương đối độc lập trong quan hệ với Liên Xô và hệ thống chủ nghĩa xã hội thế giới dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Nam Tư. Làm rõ vai trò của lực lượng Cộng sản Nam Tư trong chiến tranh cũng như vị thế hợp pháp trong việc cầm quyền sau chiến tranh sẽ góp phần lý giải vị thế của chính quyền Cộng sản Nam Tư trong hệ thống chủ nghĩa xã hội thế giới nói chung và quan hệ với Liên Xô nói riêng. Bên cạnh đó, lý giải tính hợp pháp trong việc cầm quyền của lực lượng Cộng sản Nam Tư còn góp phần làm rõ sự khai sinh trở lại của quốc gia Nam Tư sau Chiến tranh thế giới II và các giai đoạn phát triển về sau của quốc gia đa dân tộc này.

Từ khóa: Vương quốc Nam Tư, Cộng sản Nam Tư, Nam Tư sau Chiến tranh thế giới II.

1. Đặt vấn đề

Nam Tư từ sau Chiến tranh thế giới II cho đến khi tan rã vào đầu thập niên 1990 của thế kỷ XX đã trải qua thời kỳ phát triển tương đối hòa bình và ổn định, đặc biệt là trong thời gian cầm quyền của Tito từ 1945 - 1980. Trong bối cảnh Chiến tranh Lạnh với những diễn biến phức tạp của thế giới, chủ nghĩa xã hội Nam Tư với những đặc trưng riêng của chủ nghĩa liên bang về chính trị, chính sách tự quản của người lao động trong phát triển kinh tế và đường lối trung lập về đối ngoại đã khẳng định những nét riêng của chính quyền Cộng sản Nam Tư so với hệ thống chủ nghĩa xã hội trên thế giới. Sở dĩ, lực lượng Cộng sản ở Nam Tư có sự phát triển độc lập trong xây dựng chủ nghĩa xã hội của đất nước từ sau Chiến tranh thế giới II là bởi sự khẳng định vị trí và quyền lực của Đảng Cộng sản từ trong chiến tranh giải phóng dân tộc giai đoạn 1941 - 1945. Làm sáng tỏ vai trò và vị thế trong việc cầm quyền của lực lượng Cộng sản sau khi chiến tranh kết thúc sẽ góp phần lý giải vị thế của Nam Tư xã hội chủ nghĩa trong các giai đoạn phát triển sau đó trong hệ thống chủ nghĩa xã hội nói riêng và thế giới hai cực nói chung. Bên cạnh đó, làm rõ tính hợp pháp trong việc cầm quyền của lực lượng Cộng sản còn góp phần làm sáng tỏ những nhân tố bên trong tác động sâu sắc đến sự phát triển của đất nước Nam Tư xã hội chủ nghĩa như vấn đề dân tộc, chủ nghĩa dân tộc...

2. Khái quát về Vương quốc Nam Tư trước Chiến tranh thế giới II

2.1. Khái quát về Nam Tư giai đoạn 1918 - 1941

Nam Tư là tên gọi của quốc gia đa dân tộc “Vương quốc của người Serbia, người Croatia và người Slovenia” được hình thành sau Chiến tranh thế giới I trên phần lãnh thổ của đế quốc Habsburg và Ottoman bại trận ở khu vực bán đảo Balkan. Vương quốc này được đổi tên thành Vương quốc Nam Tư từ năm 1929. Sự hình thành quốc gia chung của người Nam Slavs là kết quả của sự kết hợp nhuần nhuyễn các nhân tố bên trong và bên ngoài.

Ở bên trong, mong muốn và khát khao của cư dân Nam Slavs muốn có một quốc gia độc lập riêng của mình sau hàng thế kỷ bị thống trị bởi các lực lượng đế quốc bên ngoài. Sự sụp đổ của hai thế lực thống trị là Habsburg và Ottoman sau Chiến tranh thế giới I là điều kiện vô cùng thuận lợi để hiện thực hóa giấc mơ độc lập của người Nam Slavs ở Balkan khi mà “Chiến tranh thế giới I đã tạo ra những thay đổi chính trị mới. Đế quốc Habsburg sụp đổ, Croatia và Slovenia được giải phóng và chính phủ Serbia đang tìm kiếm con đường để thống nhất cư dân Serbia trong một nhà nước chung. Việc hình thành quốc gia chung của cư dân Nam Slavs là một khả năng có thể thực thi” [9, tr. 12]. Trên phần lãnh thổ của các đế quốc đã sụp đổ, cư dân Nam Slavs được giải phóng và hào hứng hướng tới một tương lai độc lập của chính mình. Bên cạnh đó, sự vận động trong nhận thức của giới trí thức và chính trị ở Serbia, Croatia - những thực thể lớn và có vai trò quan trọng nhất trong Vương quốc mới

^(*) Trường Đại học Đồng Tháp.

sau chiến tranh đã chín muồi. Serbia muốn thông qua con đường thống nhất cư dân Nam Slavs để thực hiện sự thống nhất toàn bộ cư dân Serbia mà từ nửa đầu thế kỷ XIX, giới trí thức của Serbia đã nêu lên trong khẩu hiệu “giải phóng và thống nhất” người Serbia để hình thành một “Đại Serbia” trong bàn cờ chính trị mới của khu vực. “Giải phóng” dân tộc khỏi sự thống trị của Ottoman và “Thống nhất” cư dân Serbia đang sinh sống ở nhiều khu vực lãnh thổ khác nhau được xem là nhiệm vụ hàng đầu trong phong trào vận động dân tộc của Serbia từ thập niên 1830 của thế kỷ XIX. Cùng với Serbia, phong trào Illyrian của giới trí thức Croatia hợp tác với Slovenia bắt đầu từ những năm 30 của thế kỷ XIX cũng nhằm mục đích đạt được sự độc lập hoàn toàn cho Croatia và Slovenia. Serbia và Croatia với hai mục tiêu khác nhau nhưng đều nhìn thấy việc hình thành quốc gia chung của cư dân Nam Slavs như là bước đi để hiện thực hóa mục tiêu đó. Giới cầm quyền của Serbia và Croatia đã có những đàm phán, thương lượng trong thời gian Chiến tranh thế giới I để đi đến hình thành quốc gia chung ngay khi chiến tranh vừa kết thúc.

Bên cạnh những yếu tố thúc đẩy và chín muồi từ bên trong thì tác động từ hệ thống quốc tế mới sau chiến tranh cũng đã dẫn đến việc hình thành quốc gia mới. Các cường quốc lớn muốn ổn định tình hình khu vực Balkan bằng cách hình thành nên các quốc gia dân tộc mới từ kết quả của phong trào dân tộc phát triển ở khu vực cùng với sự sụp đổ của các đế quốc thống trị cũ. Do tác động từ bối cảnh quốc tế bên ngoài, sau Chiến tranh thế giới I đã hình thành 4 quốc gia dân tộc (Rumani, Bungari, Anbani, Hy Lạp) và một quốc gia đa dân tộc (Vương quốc của người Serbia, Croatia và Slovenia) trên bán đảo Balkan. Như vậy, Vương quốc chung của cư dân Nam Slavs ra đời là sự kết hợp chín muồi của những điều kiện khách quan và chủ quan. Vương quốc mới lựa chọn thể chế quân chủ do triều đại Karadjordjevic đang cầm quyền ở Serbia cai trị.

Sau khi hình thành, Serbia thông qua sự cầm quyền của Vương triều Karadjordjevic đã thiết lập chế độ nhà nước trung ương tập quyền cao, bên nguyên bộ máy chính quyền trong nước thực hiện cai trị quốc gia mới với lãnh thổ và dân số lớn hơn gấp nhiều lần. Trong khi đó, quan điểm của Croatia, Slovenia trước khi hình thành quốc gia là muốn xây

dựng một thể chế hợp bang lỏng lẻo với quyền tự trị cao về mọi mặt cho các dân tộc. Cấu trúc chính trị thực tế của quốc gia mới đã làm thất vọng giới cầm quyền ở Croatia và Slovenia, gây ra bất đồng lớn từ khi mới thành lập giữa những nhà chính trị Serbia và Croatia. Đảng Nông dân Croatia được thành lập do Radić lãnh đạo là Đảng đối lập lớn nhất trong bộ máy nhà nước ở quốc gia mới. Trong bối cảnh đó, để củng cố bộ máy chính quyền, hiến pháp đầu tiên của Vương quốc được thông qua ngày 28 tháng 6 năm 1921 gọi là Hiến pháp Vidovdan dựa trên hiến pháp của Serbia trước chiến tranh. Hiến pháp đã áp đặt một chính quyền trung ương tập quyền dưới sự thống trị của Serbia. “Serbia khẳng định quyền kiểm soát của họ đối với đất nước bởi vì họ là dân tộc lớn nhất trong quốc gia và bởi vì họ thuộc về bên chiến thắng trong Chiến tranh thế giới I” [5, tr. 99].

Croatia với địa vị là cộng đồng dân tộc lớn thứ hai trong đất nước bất bình với sự thống trị của Serbia trong nhà nước chung. Người Hồi giáo Bosnia và Slovenia lúc đầu thực hiện chính sách trung lập trong xung đột chính trị giữa Serbia và Croatia, nhưng chính sách này nhanh chóng lâm vào bế tắc. Căng thẳng trong xung đột giữa các nhà chính trị Croatia và chính quyền Serbia diễn ra trong suốt thập niên 1920 của thế kỷ XX và đạt đến đỉnh cao năm 1928 khi 5 thành viên quốc hội người Croatia bị bắn trong đó người lãnh đạo Đảng Nông dân Croatia là Radić bị bắn chết. Sau sự kiện này, để thiết lập trật tự, vua Alexander thiết lập sự cai trị mới lên toàn bộ đất nước. Tên gọi Vương quốc của người Serbia, Croatia, Slovenia được thay bằng Vương quốc Nam Tư. Alexander muốn xây dựng bản sắc chung của cư dân Nam Slavs trong toàn bộ đất nước bằng cách thống nhất hệ thống hành chính. “Nhà vua cho xóa bỏ các khu định cư theo dân tộc cũ và hình thành các tỉnh mới cắt theo biên giới dân tộc một cách máy móc” [9, tr. 14].

Năm 1931, nhà vua ban hành hiến pháp mới thay thế cho hiến pháp Vidovdan, là cơ sở pháp lý để thiết lập chế độ độc tài sau khi đã giải tán quốc hội. Trong thập niên 1930 của thế kỷ XX, sự suy yếu và sụp đổ của nền kinh tế từ tác động của khủng hoảng kinh tế thế giới làm cho sự chia rẽ và mâu thuẫn dân tộc ở Nam Tư càng gay gắt. Chính sách độc tài hà khắc của vua Alexander gây ra sự phẫn

nộ của tất cả các cộng đồng dân tộc trong nước kể cả người Serbia. Đây cũng là lý do dẫn đến việc nhà vua bị ám sát năm 1934 tại Pháp. Trong thời gian này, nhiều nhà dân tộc chủ nghĩa, giới trí thức và nghệ sĩ của Croatia đã rời đất nước ra định cư ở các quốc gia bên ngoài. Cũng trong thời gian này, tổ chức khủng bố dân tộc cực đoan người Croatia được thành lập trong những năm 20 của thế kỷ XX, với tên gọi Ustaša dưới sự bảo trợ về tài chính và chính trị của chính quyền phát xít Ý, do nhà dân tộc chủ nghĩa Croatia gốc Bosnia - Herzegovina là Ante Pavelić lãnh đạo hoạt động mạnh mẽ. Mục đích của Pavelić cũng như của Ustaša là giải phóng Croatia khỏi sự thống trị của Serbia và hình thành “Đại Croatia”.

Cuộc khủng hoảng chính trị lâu dài trong Vương quốc Nam Tư được giải quyết bằng thỏa thuận Sporazum năm 1939, đem lại cho Croatia quyền tự trị lớn hơn về văn hóa và lãnh thổ, thành lập tỉnh Croatia bao gồm các vùng của Bosnia - Herzegovina nơi mà người Croatia chiếm đa số, khu vực Srijem (không bao gồm Đông Srijem) và Dalmatia (không bao gồm vịnh Kotor). Thỏa thuận này được xem là một giải pháp cho xung đột chính trị giữa Serbia và Croatia trong Vương quốc Nam Tư nhưng nhanh chóng cho thấy những hạn chế của nó. Bosnia - Herzegovina ban đầu ủng hộ thỏa thuận này với mong muốn sự ổn định nhanh chóng được thiết lập ở Nam Tư nhưng đã sớm nhìn thấy những trở ngại của nó cho phong trào đấu tranh đòi tự trị lãnh thổ của Bosnia. Thỏa thuận này cũng không làm hài lòng cả hai bên Serbia và Croatia. Các nhà chính trị Croatia tức giận vì bị giới hạn quyền tự trị ngược lại những đối thủ Serbia thì không hài lòng khi san sẻ quyền lực và không còn quyền thống trị như trước. Với những xung đột về chính trị và khủng hoảng về kinh tế không giải quyết ổn thỏa, Vương quốc Nam Tư nhanh chóng tan rã vào năm 1941 với sự xâm lược của phát xít Đức và Ý.

Như vậy, hơn 20 năm tồn tại kể từ sau Chiến tranh thế giới I đến khi bùng nổ Chiến tranh thế giới II, trong sự vận động của hệ thống quốc tế mới, Vương quốc chung của cư dân Nam Slavs được hình thành thỏa mãn lòng khát khao độc lập của cư dân nhưng lại làm xuất hiện những rạn nứt và chia rẽ mới trong nội bộ các cộng đồng dân tộc

nói chung và giới cầm quyền nói riêng. Lý do cơ bản bắt nguồn từ cấu trúc chính trị chưa phù hợp và thành công đối với lãnh thổ mới, quốc gia mới. Rõ ràng, chế độ quân chủ rồi đến độc tài cá nhân chưa phải là cấu trúc chính trị phù hợp đối với Nam Tư trong thời gian này.

2.2. Khái quát về Nam Tư giai đoạn 1941 - 1945

Tháng 4/1941, Nam Tư bị tấn công bởi phát xít Đức. Vua Petar và chính quyền của ông phải bỏ chạy khỏi đất nước, sống lưu vong ở London. Đức, Hungari, Rumani, Bungari, Ý chiếm phần lớn lãnh thổ của Nam Tư. Một phần nhỏ của Serbia được đặt dưới sự quản lý của quân đội Đức thông qua chính quyền tay sai cộng tác với địch là Milan Nedić. Đáng ngại nhất là sự ra đời của Nhà nước độc lập Croatia vào tháng 4/1941 bao gồm toàn bộ lãnh thổ Croatia, Slavonia, Srem, một phần nhỏ Dalmatia và toàn bộ lãnh thổ Bosnia - Herzegovina dưới sự điều hành của Ante Pavelić đứng đầu Đảng phát xít Ustaša của Croatia. Trung tâm của nhà nước độc lập đóng ở Zagreb với một chính sách không khoan nhượng thực hiện đồng hóa văn hóa và thanh lọc chủng tộc. Thời kỳ tồn tại của Nhà nước độc lập Croatia trong Chiến tranh thế giới II đã để lại những hậu quả đau thương kinh hoàng cho người Serbia ở Croatia. Nó trở thành nỗi ám ảnh với cư dân Serbia khi tổng thống Tudjman tăng cường chủ nghĩa dân tộc Croatia vào đầu thập niên 1990 của thế kỷ XX.

Cuộc nội chiến giữa các nhóm dân tộc trong Nam Tư tăng nhanh và phức tạp. Phong trào dân tộc chủ nghĩa cực đoan Ustaša dựa vào sự ủng hộ của Ý và Đức thành lập Nhà nước Croatia độc lập, thực hiện chính sách “thanh lọc dân tộc” để thành lập “Đại Croatia”. Lực lượng dân tộc chủ nghĩa với tư tưởng bảo hoàng Serbia là Cetniks cũng tiến hành chiến đấu ở Bosnia - Herzegovina và Croatia, thực hiện “thanh lọc dân tộc” nhằm vào người Hồi giáo ở Đông Bosnia - Herzegovina để tạo ra “Đại Serbia”. Pavelić đã tiến hành một chiến dịch diệt chủng nhằm vào những cộng đồng thiểu số không phải người Croatia đó là người Serbia, người Do Thái và người Roma. Với mục đích nhằm tạo ra một đất nước thuần chủng Croatia theo tư tưởng chủng tộc cực đoan của các lực lượng phát xít châu Âu, phát xít Ustaša đã tiến hành chiến dịch diệt chủng rầm rộ tập trung vào khu vực biên giới Vojna Krajina

nơi cư trú của đông đảo người Serbia. Chính quyền Ustaša hoặc là trục xuất những bộ phận cư dân này, hoặc ép buộc phải cải đạo sang Công giáo Roma hoặc là bị giết và kết quả là “36.000 cư dân Do Thái ở Croatia và Bosnia bị tiêu diệt hoàn toàn, 200.000 người Serbia bị buộc chuyển sang Công giáo Roma” [5, tr. 54]. Những hành động bạo lực đẫm máu tập trung vào cư dân Serbia có nguồn gốc từ sự thù địch đối với người Serbia trong thời gian giữa hai cuộc chiến tranh thế giới, khi chính phủ Serbia cầm quyền trong Vương quốc Nam Tư thực hiện chế độ độc tài quân chủ với những quyền lợi ưu ái cho cư dân Serbia. Bạo lực diệt chủng cũng được thực hiện đẫm máu đối với cộng đồng người Do Thái và người Roma trong Nhà nước Croatia độc lập. Những chính sách của chính quyền Pavelić trong giai đoạn này sẽ gây ra hậu quả vô cùng nặng nề cho mối quan hệ giữa các cộng đồng cư dân ở Nam Tư trong các giai đoạn sau.

Nỗi khiếp sợ mà phát xít Ustaša gây ra đã thúc đẩy người dân Nam Tư kiên quyết tham gia vào lực lượng nổi dậy chống lại chính quyền phát xít xâm lược và tay sai. Có hai phong trào đấu tranh nổi bật ở Nam Tư trong thời gian này nhưng không hợp tác mà cạnh tranh gay gắt với nhau giành địa vị thống trị trong phong trào giải phóng dân tộc. Một phong trào do lực lượng quân đội cũ trong chính quyền Nam Tư khởi xướng, trung thành với chính thể quân chủ dưới sự lãnh đạo của tướng Draža Mihailović gọi là phong trào Cetnik. Phong trào này với ý thức hệ dân tộc chủ nghĩa, muốn khôi phục lại tư tưởng Đại Serbia và liên kết với chính quyền Nam Tư lưu vong ở Anh. Một phong trào đấu tranh khác do lãnh tụ cộng sản Josip Broz Tito lãnh đạo với ý thức hệ cộng sản, giải phóng dân tộc bằng bạo lực quân sự và thống nhất tất cả các thành phần cư dân ở Nam Tư thành một mặt trận chống lại phát xít tay sai. Sự cạnh tranh mạnh mẽ giữa hai phong trào đấu tranh chống phát xít chiếm đóng và tay sai cuối cùng đã xác định thắng lợi cho lực lượng cộng sản do Tito lãnh đạo. Vào tháng 10/1944 Hồng Quân Liên Xô đã giúp đỡ cho lực lượng Cộng sản Nam Tư giải phóng Belgrade. Quan trọng hơn, sau khi giúp giải phóng thủ đô Nam Tư, quân đội Xô Viết đã rút khỏi hoàn toàn và Đảng Cộng sản Nam Tư do Tito đứng đầu nắm toàn quyền kiểm soát đất nước.

3. Tính hợp pháp trong việc cầm quyền của lực lượng Cộng sản Nam Tư

Tính hợp pháp của lực lượng Cộng sản Nam Tư dựa trên vai trò của họ trong việc đánh đuổi phát xít xâm lược và chính quyền tay sai trong Chiến tranh thế giới II. Lực lượng Cộng sản Nam Tư rõ ràng đã đóng vai trò chính trong việc giải phóng đất nước khỏi sự thống trị của phát xít và tay sai, thực hiện cách mạng xã hội theo mô hình của Liên Xô và tái sinh lại nhà nước Nam Tư. Bên cạnh cuộc chiến tranh du kích chống lại sự chiếm đóng của chủ nghĩa phát xít Đức và Ý, họ cũng phải tiến hành cuộc đấu tranh giành quyền lực với các địch thủ chính trị bên trong mà điển hình là Ustaša và Cetnik và lực lượng Cộng sản Nam Tư bước ra khỏi chiến tranh với tư cách là người chiến thắng. Họ cũng giành chiến thắng trong cuộc đấu tranh về chính trị và ngoại giao sau chiến tranh để ngăn chặn sự quay trở lại vũ đài chính trị của chính quyền quân chủ Nam Tư lưu vong ở nước ngoài.

Sở dĩ, phong trào cộng sản giành được thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít và tay sai ở Nam Tư là bởi các nguyên nhân sau:

Thứ nhất, phong trào Cộng sản Nam Tư đã quy tụ được lợi ích cho toàn bộ nhân dân Nam Tư, liên kết họ trong một mặt trận thống nhất chống kẻ thù, là lực lượng duy nhất bảo vệ cho tất cả cư dân Nam Tư mà không phân biệt nguồn gốc dân tộc. Những người cộng sản Nam Tư đã tập trung vào sự tương đồng của tất cả các cộng đồng dân tộc dưới ý thức hệ của chủ nghĩa cộng sản. Khác với ý thức hệ của Ustaša nhằm mục đích tạo nên một quốc gia thuần chủng Croatia bằng bạo lực đẫm máu nên đã tiến hành “thanh lọc chủng tộc” và đồng hóa văn hóa, phong trào Cetnik thì nhằm mục đích tạo ra một Đại Serbia cho người Serbs và thiết lập lại chính quyền quân chủ mà trên thực tế nó là nỗi ám ảnh kinh hoàng của các cộng đồng dân tộc trước Chiến tranh thế giới II. Trong lúc hai phong trào dân tộc chủ nghĩa cực đoan hoạt động, các cộng đồng dân tộc Nam Slavs khát khao một lực lượng có thể bảo vệ họ, liên kết họ chống phát xít xâm lược bên ngoài và tay sai bên trong cũng như chống lại các chính sách dân tộc cực đoan mà họ là nạn nhân. Phong trào cộng sản do Tito lãnh đạo đã đáp ứng được mong muốn này của các thành phần dân cư. Dựa trên ý thức hệ cộng sản quốc tế cùng với chiến lược

đoàn kết thống nhất dân tộc, lực lượng cộng sản đã tập hợp được sức mạnh của nhân dân giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống phát xít và tay sai, trong cuộc cạnh tranh chính trị với phong trào bảo hoàng Cetnik và phong trào phát xít Ustaša.

Thứ hai, nếu như phong trào Ustaša dựa vào sự ủng hộ của Đức và Ý để nắm quyền khi Chiến tranh thế giới II mới nổ ra, dựa trên chính sách bạo lực tàn ác với sự giúp đỡ của phát xít chiếm đóng để duy trì chính quyền, phong trào Cetnik lúc đầu đưa ra mục tiêu là chống phát xít chiếm đóng và tay sai nhưng sau đó trong tiến trình cạnh tranh với lực lượng cộng sản thì Cetnik đã hợp tác với phát xít Đức để chống lại lực lượng cộng sản, còn phong trào cộng sản dựa hoàn toàn vào nhân dân với sự ủng hộ của chủ nghĩa cộng sản quốc tế. Lực lượng chính của phía cộng sản là những người nông dân bị bản cùng hóa với tinh thần chiến đấu và kỷ luật cao. Họ sẵn sàng hy sinh để giải phóng đất nước thoát khỏi sự chiếm đóng của phát xít. Lực lượng phát xít càng suy yếu càng mở rộng thắng lợi cho lực lượng cộng sản ở Nam Tư.

Thứ ba, phong trào cộng sản thành công một phần đạt được sự công nhận của quốc tế. Vào năm 1943, khi quan hệ đồng minh giữa Liên Xô, Anh, Mỹ được tăng cường trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít, Anh, Mỹ đã thay đổi chính sách ủng hộ của mình từ ủng hộ phong trào Cetnik trước đó chuyển sang hỗ trợ cho phong trào cộng sản do Tito lãnh đạo. Cùng với sự ủng hộ của Liên Xô, phong trào Cộng sản Nam Tư đã giành được vị thế chắc chắn cho việc nắm quyền trong và sau Chiến tranh thế giới II ở Nam Tư. “Khi tư sản dân tộc Nam Tư không tạo ra được cơ sở ủng hộ bên trong của các cộng đồng dân tộc thì ngày 26 và 27/11/1942, Đảng Cộng sản Nam Tư do Tito lãnh đạo đã tổ chức Hội nghị của “Phong trào giải phóng dân tộc” tuyên bố Đảng Cộng sản là đại diện hợp pháp cho toàn bộ nhân dân Nam Tư. Tại hội nghị lần 2 tổ chức ngày 29 và 30/11/1943, Đảng Cộng sản tuyên bố thành lập “Liên bang Dân chủ Nam Tư”” [6, tr. 117] khẳng định cấu trúc nhà nước liên bang sau chiến tranh với sự bình đẳng của các dân tộc trong toàn liên bang.

Như vậy, xét từ các yếu tố bên trong, lực lượng cộng sản Nam Tư có được nền tảng vô cùng vững chắc đó là sự ủng hộ của nhân dân các cộng đồng

dân tộc ở quốc gia này. Với sức mạnh thống nhất đó, chiến tranh du kích của lực lượng cộng sản đã giành thắng lợi trong việc đánh đuổi thù trong giặc ngoài và giành ưu thế trước các địch thủ về chính trị. Các cộng đồng dân tộc của Nam Tư ủng hộ lực lượng cộng sản trong thời kỳ chiến tranh cũng rất trung thành với chính quyền cộng sản sau khi chiến tranh kết thúc. Khi phát xít Ý đầu hàng, phát xít Đức rút khỏi Nam Tư, chính quyền tay sai sụp đổ, Hồng Quân Liên Xô rút đi để lại chính quyền cho lực lượng cộng sản kiểm soát thì Cộng sản Nam Tư tiếp nhận và nắm chính quyền một cách hợp pháp với tư cách là người chiến thắng và đại diện cho lợi ích của toàn bộ cư dân Nam Slavs.

Chiến tranh thế giới II là khoảng thời gian lực lượng cộng sản Nam Tư từng bước củng cố vững chắc vị trí trong phong trào giải phóng dân tộc để cầm quyền một cách hợp pháp sau khi chiến tranh kết thúc với sự ủng hộ của đông đảo nhân dân. Bên cạnh đó, lực lượng cộng sản Nam Tư cũng đã tiến hành những bước đi thành công trong việc giành được sự công nhận của cộng đồng quốc tế, đặc biệt là các cường quốc đồng minh đóng vai trò tổ chức lại trật tự thế giới sau chiến tranh. “Bước đầu tiên trong việc công nhận này là các nước đồng minh công nhận lực lượng du kích Nam Tư của những người cộng sản là phong trào đấu tranh chính thức chống chủ nghĩa phát xít ở quốc gia này năm 1943” [9, tr. 19]. Đây còn là một nền tảng vô cùng thuận lợi để xác lập tính hợp pháp của Tito cũng như cộng sản Nam Tư trong trật tự thế giới sau chiến tranh. Tuy Anh và Mỹ phản đối việc hình thành Liên bang Cộng sản Nam Tư sau Chiến tranh thế giới II nhưng sự công nhận Tito là lãnh đạo của phong trào cộng sản tạo điều kiện cho việc giành thắng lợi của Tito trước các địch thủ chính trị ở trong nước. Địch thủ chính trị lớn nhất của Tito lúc bấy giờ là vua Petar.

Trước đó, Anh được sự ủng hộ của Mỹ cho rằng nhà vua Nam Tư sẽ trở lại nắm chính quyền sau khi chiến tranh kết thúc, ngược lại Stalin lại có kế hoạch thành lập Liên bang Cộng sản Balkan bao gồm Nam Tư, Anbani, Bungari dưới ảnh hưởng của Liên Xô. “Kế hoạch này được quyết định bởi sự dàn xếp ở Hội nghị Yalta là sẽ chia Nam Tư thành hai phần dưới ảnh hưởng của hai khối Đông Tây do Mỹ và Liên Xô đứng đầu” [9, tr. 19]. Trong bối cảnh đó, chiến lược của Tito là “đảm bảo quốc gia

mới Nam Tư sau Chiến tranh thế giới II là Liên bang Cộng sản và nhà vua Petar không trở lại cầm quyền” [9, tr. 19].

Sự e sợ của các cường quốc phương Tây là việc hình thành chủ nghĩa cộng sản ở Nam Tư sẽ hình thành một mặt trận chủ nghĩa xã hội rộng lớn khi Nam Tư đứng về phe Liên Xô, nhưng với sự rạn nứt giữa Nam Tư và Liên Xô năm 1948 thì Nam Tư giữ một vị trí trung lập trong suốt thời kỳ Chiến tranh Lạnh. Liên bang Cộng sản Nam Tư được hình thành sau Chiến tranh thế giới II với nhiều tên gọi khác nhau từ Liên bang Dân chủ Nam Tư (1943 - 1946), Liên bang Cộng hòa Nhân dân Nam Tư (1946 - 1963) và Liên bang Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Nam Tư (1963 - 1991). Liên bang Cộng sản Nam Tư sau Chiến tranh thế giới II bao gồm các dân tộc Slovenia, Croatia, Serbia, Montenegro, Macedonia được công nhận như các dân tộc hợp pháp. Bosnia - Herzegovina được thừa nhận là một trong 6 nước cộng hòa hình thành nên Nam Tư sau Chiến tranh thế giới II nhưng người Hồi giáo ở quốc gia này lại không được công nhận tình trạng của một dân tộc hợp pháp cho đến thập niên 1960 của thế kỷ XX. Các nhóm dân tộc khác trong đó có đông đảo người Anbani ở tỉnh tự trị Kosovo của Serbia được xem là các dân tộc thiểu số. Điểm khác nhau giữa các nhóm dân tộc thiểu số với các dân tộc hợp pháp là các nhóm dân tộc hợp pháp có quyền dân tộc tự quyết và quyền có một quốc gia riêng của mình. Điều này sẽ gây khó khăn cho Nam Tư khi công nhận dân tộc Hồi giáo ở Bosnia - Herzegovina, dân tộc Anbani ở Kosovo như các dân tộc hợp pháp trong hiến pháp năm 1974, làm phức tạp thêm vấn đề dân tộc và quyền dân tộc tự quyết của các cộng đồng dân tộc ở quốc gia đa dân tộc này.

Giới Cộng sản cầm quyền ở Nam Tư luôn ý thức vai trò lịch sử của Cộng sản trong thời kỳ Chiến tranh thế giới II. Đây là một trong những yếu tố tạo nên ý thức hệ Cộng sản Nam Tư, tạo nên huyền thoại lịch sử của chế độ cộng sản. Giới trí

thức cộng sản thậm chí đã tạo nên huyền thoại của Tito trong khi Chiến tranh thế giới II. Tito được tạo dựng bằng hình ảnh của một người lính nghèo từ Croatia đã trở thành lãnh đạo của một nhà nước lớn, đấu tranh chống lại bất công xã hội và các cường quốc xâm lược bên ngoài và thậm chí trở thành lãnh đạo được tôn trọng trên thế giới với vai trò của ông trong phong trào Không liên kết. Bên cạnh hình ảnh anh hùng của người lãnh đạo, các nhà sử học cộng sản cũng tạo ra một huyền thoại khác để khẳng định vai trò của phong trào Cộng sản Nam Tư trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít và giải phóng Nam Tư. Khác với Stalin, Tito xây dựng chủ nghĩa xã hội của Nam Tư dựa trên hai trụ cột là “Tình anh em thống nhất” và “Hệ thống tự quản cho công nhân” như một lựa chọn thay thế cho chủ nghĩa tư bản và hệ thống chính trị của chủ nghĩa cộng sản [9, tr. 21].

4. Kết luận

Quốc gia đa dân tộc của cư dân Nam Slavs được hình thành từ sau Chiến tranh thế giới I đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển thăng trầm nhưng giai đoạn từ sau Chiến tranh thế giới II dưới chính quyền Cộng sản là giai đoạn phát triển ổn định và đạt được nhiều thành tựu. Nam Tư xã hội chủ nghĩa khẳng định được vị thế của mình trong khuôn khổ thế giới Chiến tranh Lạnh với đường lối đối ngoại trung lập, không liên kết. Đồng thời, quốc gia đa dân tộc này cũng phát triển với đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội độc đáo riêng từ khi rạn nứt quan hệ với Liên Xô năm 1948. Những thành tựu đạt được ngoài việc có đường lối và chính sách phù hợp còn là sự đoàn kết của các cộng đồng dân tộc và uy tín của Đảng Cộng sản cầm quyền. Nhân tố tạo nên những thuận lợi này là vị thế hợp pháp trong việc lên nắm quyền của lực lượng Cộng sản sau Chiến tranh thế giới II. Tính hợp pháp tạo nên uy tín, sức mạnh cho chính quyền Cộng sản Nam Tư trong xây dựng chủ nghĩa xã hội các thập niên từ sau Chiến tranh thế giới II đến khi tan rã./.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Mark Baskin (2005), *Former Yugoslavia and Its Successors*, State University of New York.
- [2]. Christopher Bennett (1995), *Yugoslavia Bloody Collapse - Causes, Course and Consequences*, New York University Press, New York.
- [3]. Roberto Chang (2006), “Financial Crises and Political Crises”, *Rutgers University and National Bureau of Economic Research, Final Version*.

[4]. Chris Van Gorp (2011), “*Bratherhood and unity?*” *The relationship between nationalism and socialism in socialist Yugoslavia*, Master thesis Conflicts, Territories and Identities Chris van Gorp, MA, 0600636.

[5]. Richard C. Hall (2011), *The modern Balkans - a history*, Reaktion Book Ltd, London.

[6]. Enver Beqir Hasani (2001), *Self - Determination, territorial integrity and International Stability: the case of Yugoslavia*, Bilkent University.

[7]. Robert M. Hayden (1992), *The beginning of the end of Feredal Yugoslavia - The Slovenia Amendment crisis of 1989*, The Center for Russian & East European Studies, University Pittsburgh.

[8]. Richard F. Iglar, 12/1/1992, “The constitutional Crisis in Yugoslavia and International Law of Self - Determination: Slovenia's and Croatia's Right to Secede”, *Boston College International and Comparative Law Review*.

[9]. Nederlands Instituut Voor Oorlogdocumentatie (1997), *The Background of the Yugoslavia crisis: A review of the literature*.

THE ROLE AND POSITION OF RULING COMMUNIST FORCES IN YUGOSLAVIA AFTER WORLD WAR II

Summary

Yugoslavia in Socialist system after World War II is not only a large country but also has a relatively independent foreign policy in its relations with the Soviet Union and the world' socialist system under the leadership of Yugoslavia Communist Party. Clarifying the role of Yugoslav Communist forces during the war as well as its ruling legitimacy after the war will somehow explain the position of Yugoslav Communist Government in the world' Socialist system in general and its relations with the Soviet Union in particular. Besides, explaining the ruling legitimacy of Yugoslav Communist forces helps clarify the second birth of Yugoslavia after World War II and the later development stages of this multi-ethnic country.

Keywords: Kingdom of Yugoslavia, Yugoslav Communist, Yugoslavia after World War II.

Ngày nhận bài: 13/4/2016; Ngày nhận lại: 25/4/2016; Ngày duyệt đăng: 27/5/2016.